

BẢO CÁO:

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG MỘT SỐ VÙNG NGOẠI THÀNH HÀ NỘI ĐẾN SỨC KHOẺ PHỤ NỮ Ở 2 XÃ HOÀNG LIỆT (THANH TRÌ) VÀ PHÙ ĐỔNG (GIA LÂM)

Trung tâm Công nghệ, Môi trường và Phát triển cộng đồng
Centre for Technology, Environment and Development of the
community (TEC)

Address: No 9 Tran Phu Str. Ba Dinh Dist., Hanoi.

Tel: (84.4) 7472162 - Fax: (84.4) 8232823

E-mail: tec03@hn.vnn.vn

HÀ NỘI 2005

ĐẶT VẤN ĐỀ

Môi trường thay đổi liên tục do những biến đổi của tự nhiên, do tác động của con người. Việc nghiên cứu mối quan hệ giữa môi trường và sức khỏe con người cần được thực hiện định kỳ để có cơ sở cảnh báo và đề xuất các giải pháp cần thiết nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng cũng như hạn chế tới mức tối đa tác hại của sự ô nhiễm gây nên.

Do phong tục tập quán cũng như thiên chức và chức năng trong gia đình mà người phụ nữ phải tiếp xúc với nước và môi trường nhiều hơn các đối tượng khác.

Đánh giá và thể hiện các mối liên quan và tác động của môi trường đối với sức khỏe con người nói chung và phụ nữ nói riêng là một vấn đề mà nhiều quốc gia và tổ chức trên thế giới rất quan tâm.

Muốn làm được điều đó, cần phân tích hiện trạng và xu hướng biến đổi của môi trường mà trước hết cần chú ý là nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường để từ đó có những giải pháp, chính sách phù hợp ở tầm vĩ mô.

MỤC TIÊU

1. Xác định được một cách khái quát:

- + Tình hình vệ sinh môi trường, tập quán sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phụ nữ 2 xã Hoàng Liệt, Phù Đổng
- + Hiện trạng chất lượng nước, chủ yếu là nước sinh hoạt.
- + Tình hình bệnh tật của phụ nữ trong độ tuổi từ 14 đến 49.

2. Từ đó đưa ra những nhận định về quan hệ giữa tình trạng ô nhiễm môi trường với sức khỏe phụ nữ của 2 xã Hoàng Liệt, Phù Đổng và đề xuất một số giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe phụ nữ.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

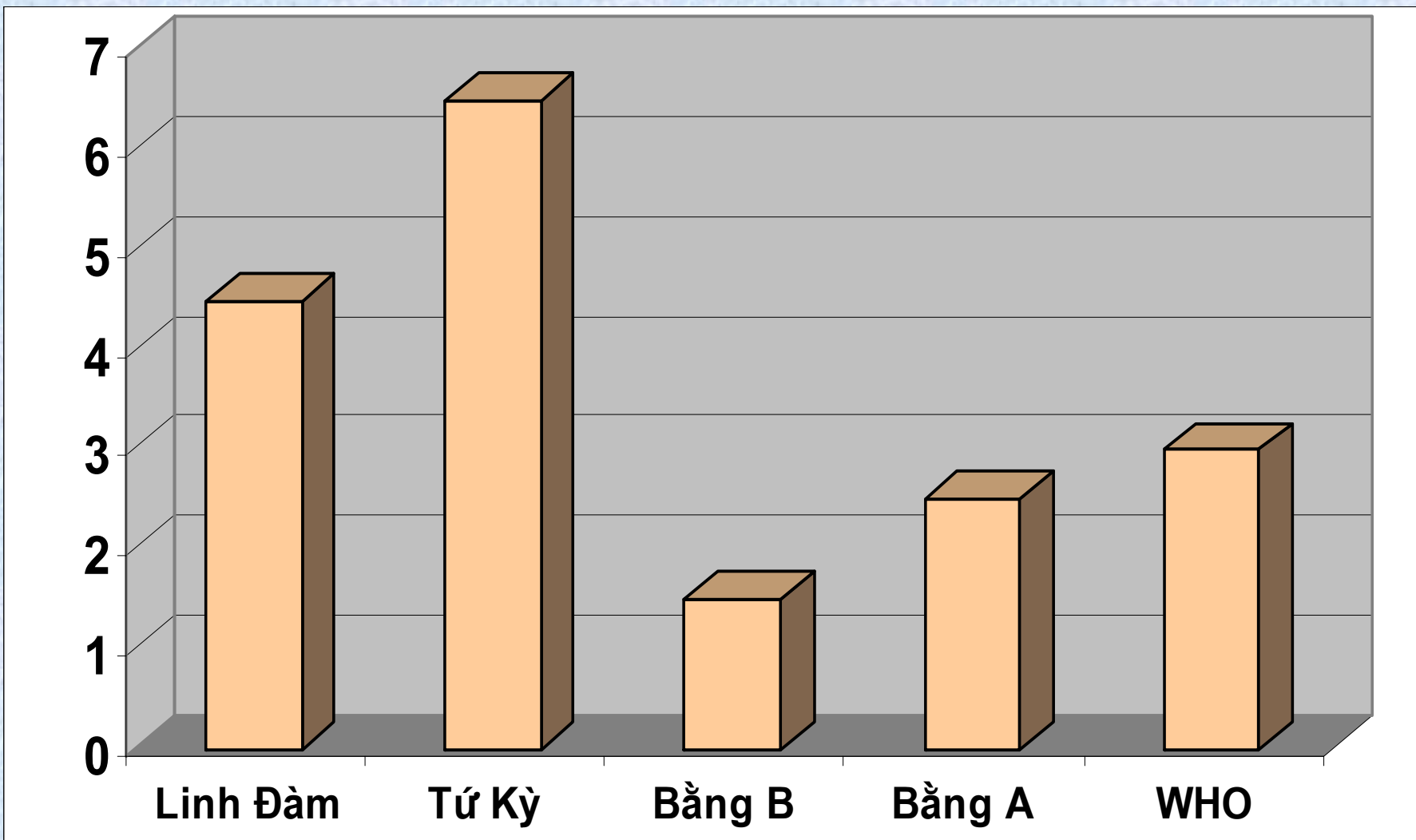
- **Điều tra hiện trạng môi trường, lấy mẫu và phân tích chất lượng nước.**
- **Điều tra tình trạng sức khỏe phụ nữ độ tuổi từ 15 đến 49 bằng phiếu điều tra, kết hợp thăm khám lâm sàng.**
- **Xử lý số liệu bằng phương pháp thống kê y học.**
- **Xác định quan hệ giữa tình trạng ô nhiễm môi trường với cơ cấu bệnh tật.**

ĐẶC ĐIỂM VÀ HIỆN TRẠNG CƠ BẢN CỦA HOÀNG LIỆT VÀ PHÙ ĐỔNG

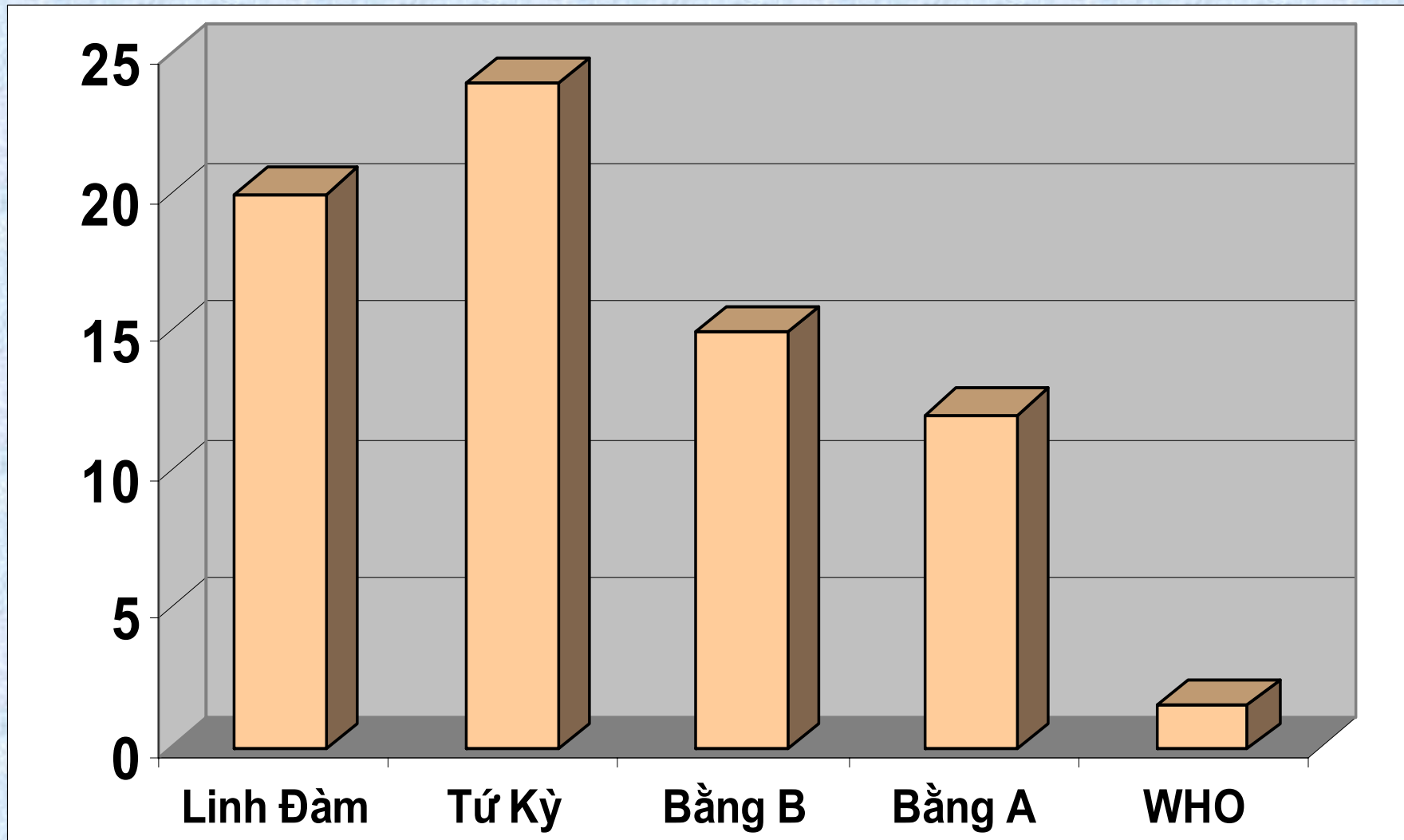
Địa điểm thực hiện	Hoàng Liệt	Phù Đổng
Đặc điểm	- Nằm ở vùng đô thị hoá mạnh ở phía nam HN - Gần các khu công nghiệp	Là vùng thuần nông ở phía bắc HN Chuyển đổi cơ cấu kinh tế
Diện tích tự nhiên	467,1 ha	1.165,65 ha
Diện tích đô thị hoá	Hiện tại: 65% Tương lai: 100%	Hiện tại: chưa Tương lai có thể nằm trong khu đô thị bắc sông Hồng của HN
Dân số	10.221 người	11.207 người
Đặc trưng kinh tế	Nghề nông, nghề phụ truyền thống của địa phương, dịch vụ	Xã thuần nông, nuôi bò sữa
Hiện trạng sử dụng nước	24,8% sử dụng nước máy 48,2% sử dụng giếng khoan 44,4% sử dụng giếng đào 20,4% sử dụng nước mưa: (cho ăn, uống)	95% sử dụng giếng khoan 4,74% sử dụng giếng đào 1,14% sử dụng nước ao hồ 5,72% sử dụng nước do trạm mini c.cấp
Đặc điểm chính của nguồn nước	-Hàm lượng NO ₂ cao -Hàm lượng Fe cao -Coliform cao	- Hàm lượng Mn cao - Hàm lượng Fe cao - Coliform cao
Nguồn gây ô nhiễm	-Nước thải sinh hoạt -Các xí nghiệp, nhà máy -Nước thải thành phố -Từ làng nghề làm bún	- Nước thải và chất thải chăn nuôi - Cấu tạo địa chất

CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TẠI HOÀNG LIỆT

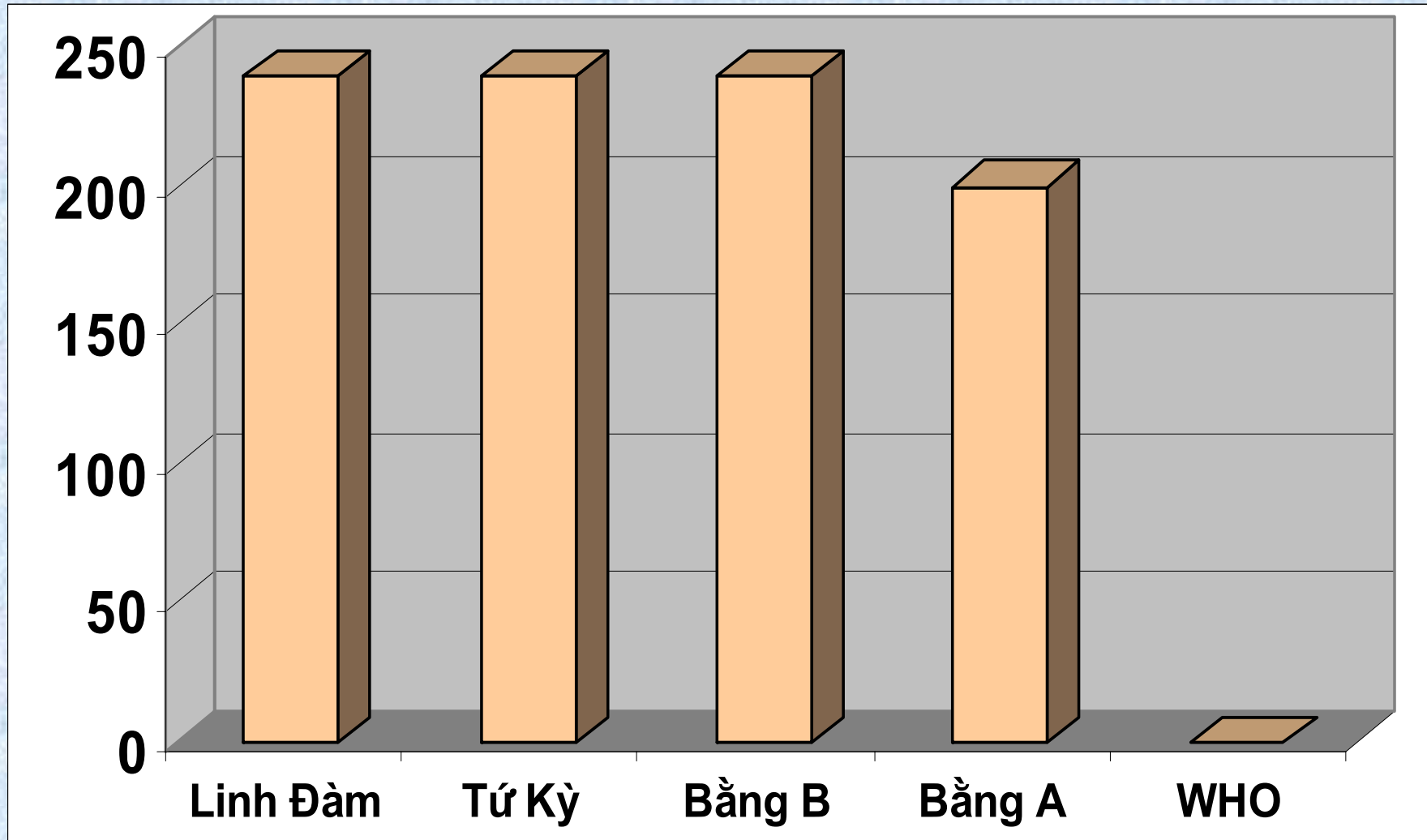
Biểu đồ hàm lượng NO_2^- tối đa trong nguồn nước sinh hoạt tại Hoàng Liệt (mg/l)



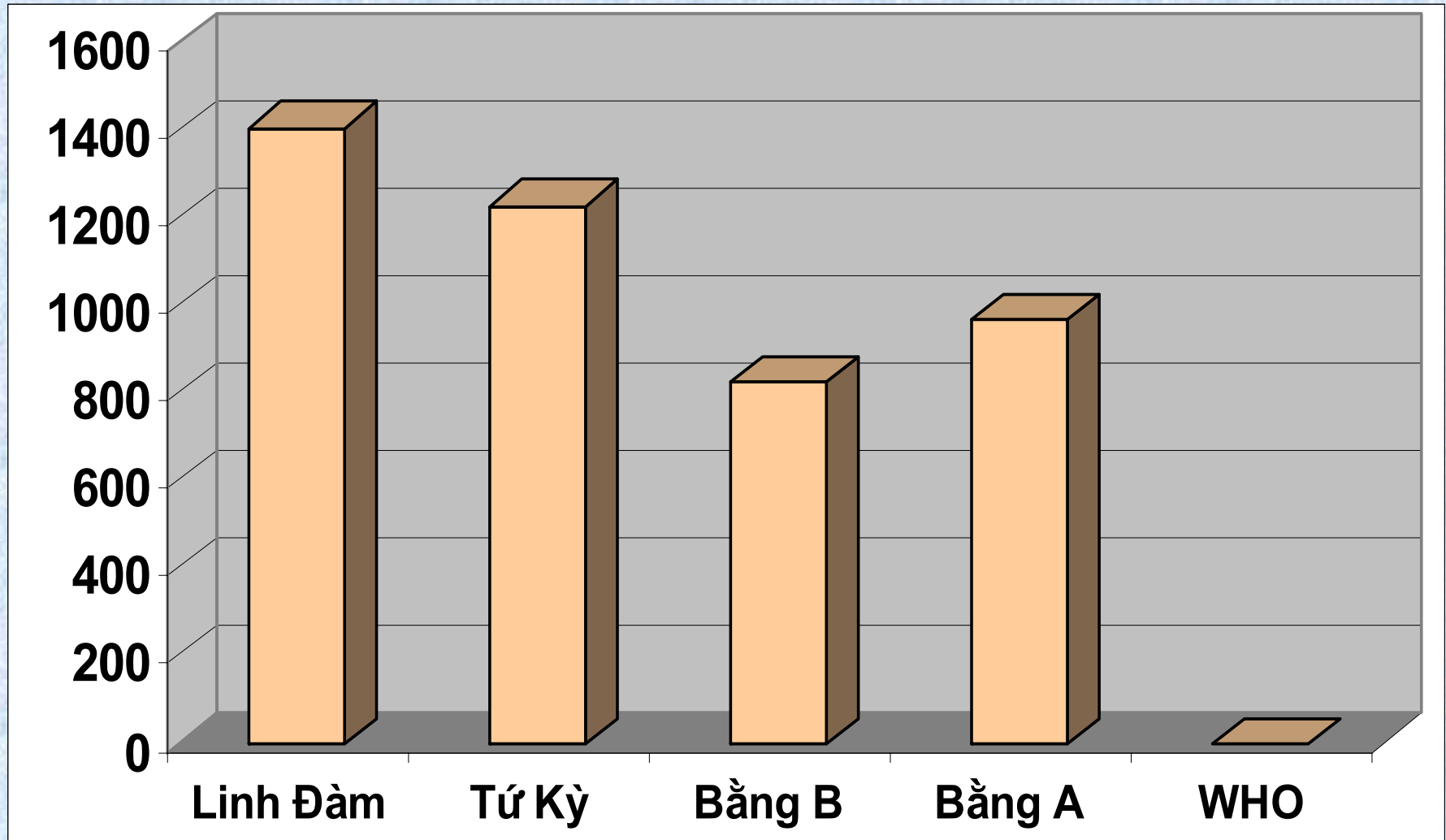
Biểu đồ hàm lượng NH_4^+ tối đa trong nguồn nước sinh hoạt tại Hoàng Liệt (mg/l)



Biểu đồ hàm lượng E. Coli tối đa trong nguồn nước ngầm tại Hoàng Liệt (số vi khuẩn/100 ml)



Biểu đồ hàm lượng Coliform tối đa trong các loại nước ở Hoàng Liệt (số vi khuẩn/100 ml)



BẢNG CƠ CẤU BỆNH CỦA PHỤ NỮ HOÀNG LIỆT

TT	Bệnh	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Bệnh phụ khoa	35	28,22
2	Bệnh mắt	54	43,54
3	Bệnh tai mũi họng	87	62,90
4	Bệnh đường tiêu hoá	13	10,48
5	Bệnh ngoài da	4	3,20
6	Bệnh xương khớp	14	11,20
7	Bệnh đường hô hấp	2	1,60

BẢNG CƠ CẤU CÁC BỆNH PHỤ KHOA CỦA PHỤ NỮ HOÀNG LIỆT

TT	Bệnh	Số lượng	Tỷ lệ%/ Bệnh PK
1	Viêm cổ tử cung	25	71,42
2	Nấm âm đạo	2	5,71
3	Polyp cổ tử cung	3	8,57
4	U xơ tử cung	2	5,71
5	Bệnh khác	3	8,57
Cộng:		35	≈100

BẢNG CƠ CẤU BỆNH TMH CỦA PHỤ NỮ HOÀNG LIỆT

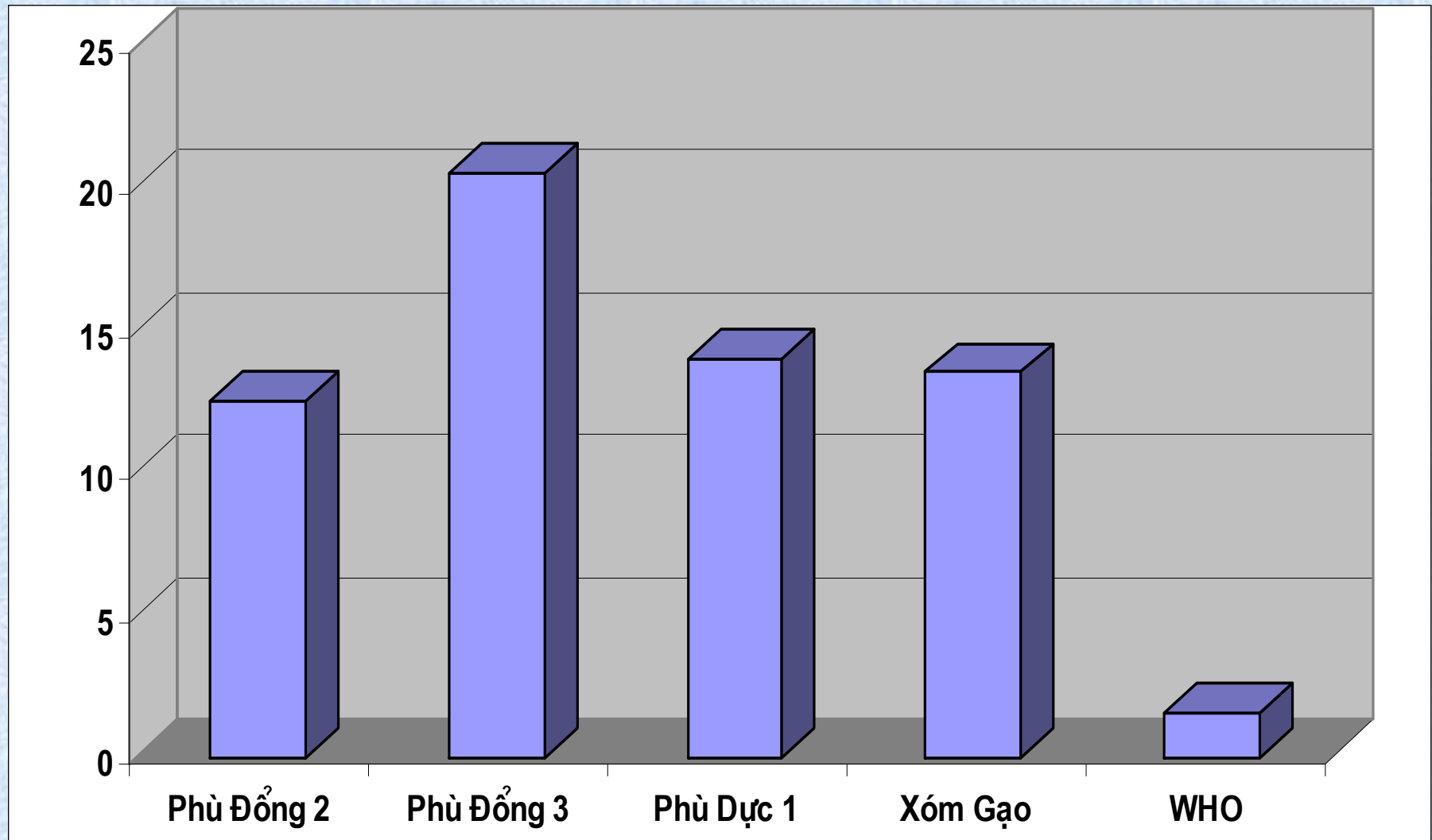
TT	Bệnh	Số lượng	Tỷ lệ %/Bệnh TMH
1	Viêm họng mãn	57	65,00
2	Viêm suygdal	15	17,24
3	Viêm xoang	5	5,74
4	Viêm họng cấp	2	2,29
5	Viêm mũi dị ứng	8	9,19

BẢNG CƠ CẤU CÁC BỆNH MẮT CỦA PHỤ NỮ HOÀNG LIỆT

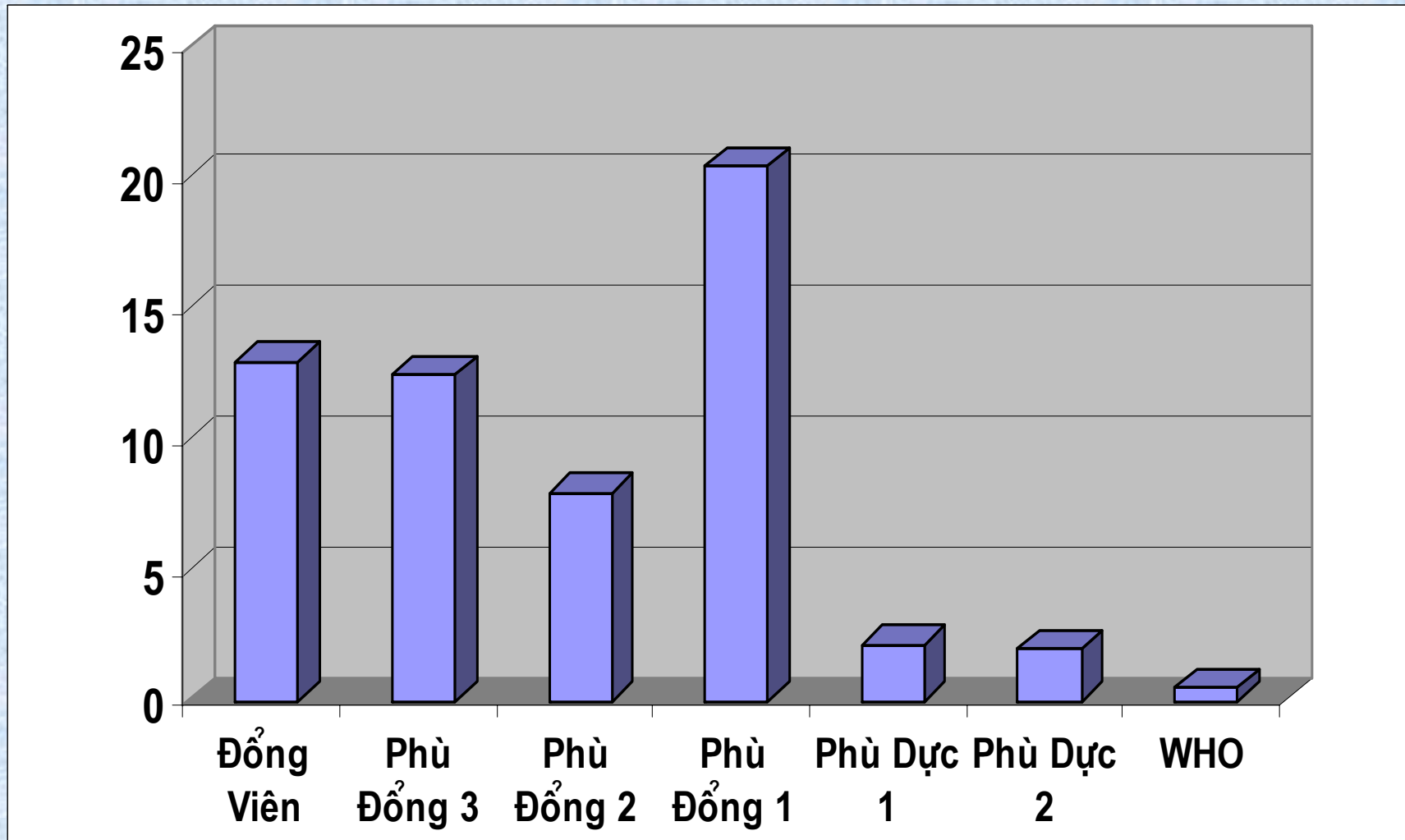
TT	Bệnh	Số lượng	Tỷ lệ %/ Bệnh mắt
1	Viêm kết mạc	18	33,33
2	Mắt hột	10	18,51
3	Mộng thịt	9	16,66
4	Các bệnh khác	17	31,48
Cộng:		54	≈100

CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TẠI PHÙ ĐỔNG

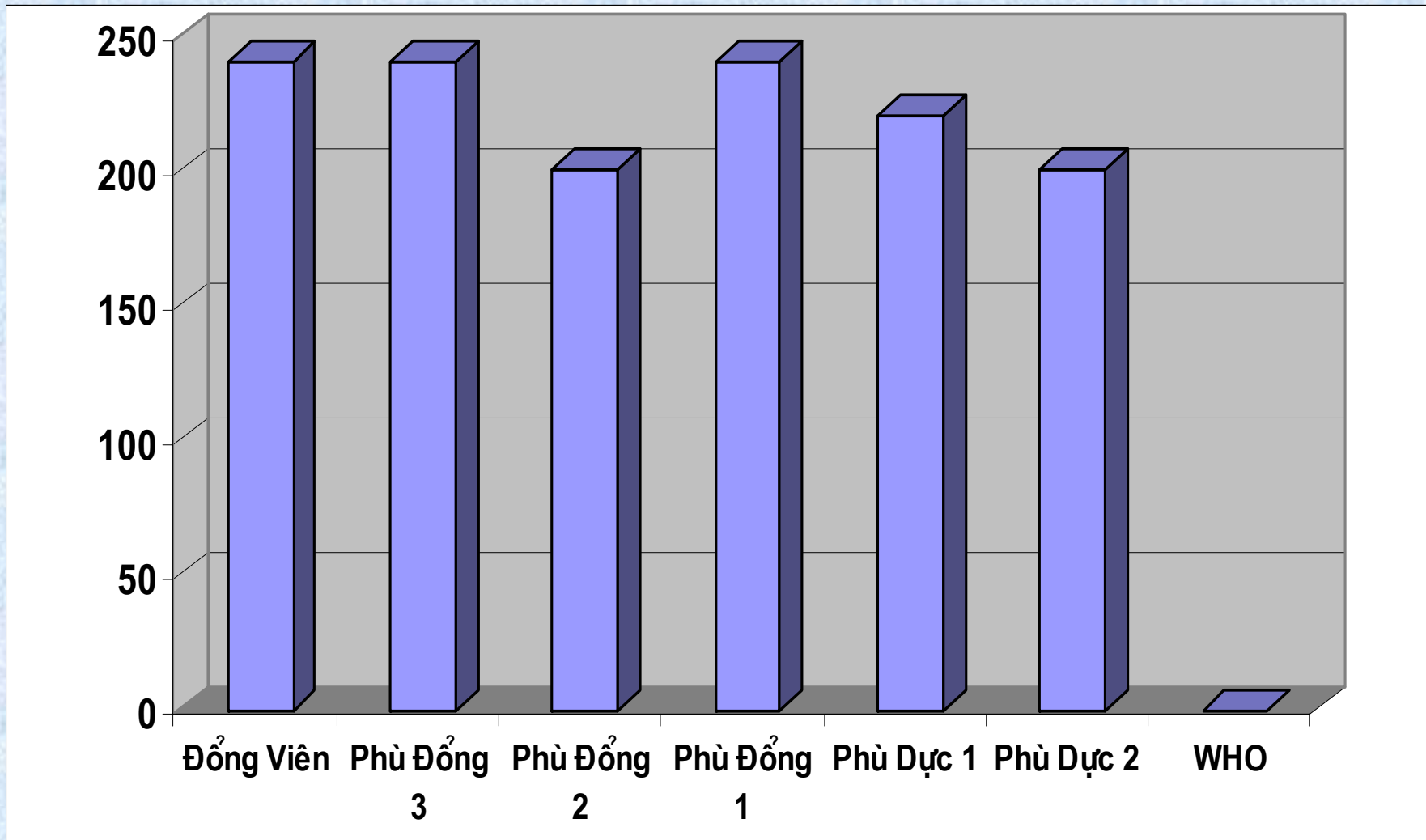
Biểu đồ hàm lượng NH_4^+ tối đa trong nước sinh hoạt tại Phù Đổng (mg/l)



Biểu đồ hàm lượng Mn^{2+} tối đa trong nước sinh hoạt tại Phù Đổng (mg/l)



Biểu đồ lượng Coliform tối đa trong nước sinh hoạt tại Phù Đổng (số vi khuẩn/100 ml)



BẢNG CƠ CẤU BỆNH CỦA PHỤ NỮ PHÙ ĐỔNG

TT	Loại bệnh	Số lượng	Tỉ lệ %/ PN được khám
1	Bệnh phụ khoa	133	42,35
2	Bệnh mắt	145	46,17
3	Bệnh tai mũi họng	175	55,73
4	Bệnh đường tiêu hoá	99	31,52
5	Bệnh ngoài da	24	7,64
6	Bệnh xương khớp	35	11,44
7	Bệnh đường hô hấp	6	1,91
8	Bệnh thần kinh	12	3,82

BẢNG CƠ CẤU CÁC BỆNH PHỤ KHOA CỦA PHỤ NỮ PHÙ ĐỔNG

TT	Loại bệnh	Số lượng	Tỉ lệ %/ bệnh phụ khoa
1	Viêm cổ tử cung	109	81,95
2	Polyp cổ tử cung	12	9,02
3	U buồng trứng	4	3
4	Nấm, viêm âm đạo	3	2,25
5	Tử cung bất thường	5	3,75

BẢNG CÁC BỆNH VỀ MẮT CỦA PHỤ NỮ PHÙ ĐỔNG

TT	Loại bệnh mắt	Số lượng	Tỷ lệ%/Bệnh mắt
1	Viêm kết mạc	29	20
2	Mộng thịt	60	41,37
3	Mắt hột	51	35,17
4	Viêm mi mắt	5	3,44

KẾT LUẬN

* Tại Hoàng Liệt:

Cảnh quan môi trường và không khí trong từng hộ gia đình cũng như thôn xóm hồ ao cống rãnh... bị ô nhiễm nặng nề. Chất thải chăn nuôi và sản xuất không được xử lý thâm nhập xuống các nguồn nước làm tăng hàm lượng amoni (NH_4^+) và nitrit (NO_2^-). Ngoài ra địa hình của Hoàng Liệt là một vùng trũng, nước thải chưa được xử lý của thành phố cũng như địa phương ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nước ngầm cũng như nước mặt.

Số phụ nữ mắc các bệnh có liên quan đến môi trường rất cao. Cơ cấu và mức độ bệnh tật của phụ nữ Hoàng Liệt cũng tương tự như của phụ nữ nông thôn nói chung, đều xuất phát từ nhận thức và tập quán sinh hoạt lạc hậu. Nhìn vào cơ cấu bệnh tật của phụ nữ Hoàng Liệt ta thấy cao nhất là các bệnh về đường hô hấp (tai mũi họng) sau đó là bệnh mắt và phụ khoa. Từ kết quả có thể thấy rằng các bệnh về tai mũi họng cao như vậy có liên quan đến sự nhiễm bẩn không khí nhưng chúng tôi chưa có điều kiện để triển khai phần công việc này.

*** Tại Phù Đổng:**

Là 1 địa phương thuần nông, Phù Đổng chưa bị ô nhiễm về không khí nhưng nguồn nước bị ô nhiễm do chất thải chăn nuôi thể hiện ở thành phần NO_2^- cao tại những giếng có độ khoan nông ở các thôn Phù Đổng 1, Phù Đổng 2, Phù Đổng 3.

Đặc biệt hàm lượng Mn trong nước sinh hoạt ở Phù Đổng rất lớn có điểm vượt tiêu chuẩn cho phép tới 26,6 lần vào mùa mưa và 28,6 lần vào mùa khô. Đây là vấn đề theo chúng tôi, cần có một nghiên cứu khác sâu hơn về tác hại của Mn_2^+ và phương pháp loại trừ để đảm bảo sức khoẻ cho phụ nữ và cộng đồng.

Tỉ lệ bệnh tai, mũi, họng ở Phù Đổng thấp hơn Hoàng Liệt, nhưng bệnh mắt, phụ khoa và tiêu hoá của phụ nữ Phù Đổng đều vào loại cao, cao hơn cả Hoàng Liệt, nhất là bệnh mắt và phụ khoa. Bệnh ngoài da của phụ nữ Phù Đổng cũng khá cao do phải thường xuyên tiếp xúc với chất thải chăn nuôi.

KIẾN NGHỊ

1. Chính sách:

+ Cần nâng cao nhận thức về giữ gìn môi trường và bảo vệ sức khỏe cho người dân và hỗ trợ cho họ về kinh phí để giải quyết vấn đề nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn nói chung Hoàng Liệt và Phù Đổng nói riêng.

+ Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho dân và theo dõi biến động môi trường do tác động của sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở những vùng đang có sự đô thị hoá và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

2. Biện pháp chính quyền:

Đề nghị vận động nhân dân

+ Tiến hành áp dụng các biện pháp xử lý nước sau khi hút từ giếng ngầm, đặc biệt tại các điểm nước giếng ngầm có hàm lượng Mn, Fe và các hợp chất Nitơ cao. Việc xử lý phải được tiến hành theo sự hướng dẫn cụ thể của các cán bộ kỹ thuật, chất lượng nước cần được kiểm tra thường xuyên.

+ Với các giếng bị nhiễm bẩn từ nguồn nước mặt, cần tăng độ sâu khai thác, hoặc nếu có thể, chuyển địa điểm khai thác, sau đó kiểm tra lại chất lượng nước.

+ Tại mỗi hộ gia đình, nhất là những gia đình chăn nuôi, cần có các bể BIOGAS, đây là biện pháp tích cực nhằm xử lý các nguồn thải từ chăn nuôi và sinh hoạt hàng ngày, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm.

+ Quy hoạch vùng chăn nuôi xa nguồn nước sinh hoạt.

+ Vận động nhân dân sử dụng trang bị bảo hộ lao động trong sản xuất chăn nuôi.

3. Biện pháp khoa học công nghệ:

Hiện tại, để giải quyết các vấn đề bức xúc trước mắt,

+ Phù Đổng cần 2 biện pháp khoa học công nghệ là: quy trình xử lý nước sinh hoạt thích hợp để loại trừ sắt, mangan và xử lý chất thải bằng Biogas.

+ Thôn Tứ kỳ cần xây dựng hệ thống xử lý nước thải như ở làng bún Phú Đô và các mô hình Biogas để xử lý chất thải sinh hoạt và sản xuất.

Xin tron trang cim -n !